Lesson Sheet

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

The Survival of Endangered Dialects

• Hiểu ý chính, tìm chi tiết và so sánh hai quan điểm trong bài đọc, bài nghe.

• Trình bày quan điểm bằng ví dụ cụ thể; thử dùng cấu trúc nâng cao có hướng dẫn.

Grammar: Not only and Under no circumstances

Khi đưa Not only hoặc Under no circumstances lên đầu câu, đảo trợ động từ hoặc động từ khuyết thiếu trước chủ ngữ. Chỉ đảo ở mệnh đề được nhấn mạnh.

Not only + auxiliary/modal + subject + verb, but subject also + verb. Under no circumstances + modal + subject + base verb. Với did dùng nguyên mẫu; với have/has dùng V3.

Khởi động và học từ qua ví dụ · 14 phút
Liên hệ chủ đề với trường học hoặc gia đình. Học 8 từ và tự đặt câu.

Đọc, nghe và tìm bằng chứng · 16 phút
Đọc ý chính, nghe hai lượt và tìm chi tiết cho câu hỏi. Chưa mở transcript trong lượt nghe đầu.

Thảo luận và viết bản nháp · 15 phút
Nêu ý kiến với một lý do và một ví dụ, sau đó viết theo dàn ý. Có thể dành thêm thời gian viết nếu cần.

Luyện tập và phản hồi · 15 phút
Làm quiz, kiểm tra giải thích cùng bố mẹ và chỉnh một điểm trong bài viết. Ghi nhận mức tự tin.

Vocabulary Worksheet

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

dialect /ˈdaɪəlekt/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

permission /pəˈmɪʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

generation /ˌdʒenəˈreɪʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

recording /rɪˈkɔːdɪŋ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

community /kəˈmjuːnəti/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

phrase /freɪz/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

essential /ɪˈsenʃl/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

pass on /pɑːs ɒn/ (phrasal verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

Not only and Under no circumstances

Not only + auxiliary/modal + subject + verb, but subject also + verb. Under no circumstances + modal + subject + base verb. Với did dùng nguyên mẫu; với have/has dùng V3.

Choose the correct sentence.

A. Not only did they record stories, but they also learned songs.

B. Not only they did record stories, but also learned songs.

C. Not only did they recorded stories, but they also learned songs.

Complete: Under no circumstances _____ a recording without permission.

A. we should share

B. should we sharing

C. should we share

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

Learning a Family Language

When Leo visited his grandmother during the summer holiday, he realised that he understood only a few words of her first language. She usually spoke the national language with him, but her stories sounded warmer and more playful when she used the language of her childhood. Leo decided to find a way to learn more.

With help from a teacher, he started a small school project. Students interviewed relatives, recorded everyday conversations with permission and collected useful phrases. They quickly discovered that learning a language involves more than translating individual words. Some expressions describe local plants or family relationships in ways that require a longer explanation in another language.

The project also raised practical questions. Who should be allowed to hear the recordings? What should happen if a speaker later changes their mind? The group agreed that each person would choose which recordings could be shared and could ask for them to be removed.

Not only did the students create a simple audio dictionary, but they also organised a monthly storytelling afternoon. Younger children listened to short stories and joined in familiar songs. Digital tools made the materials easier to use, yet regular conversations with older relatives remained essential.

Leo now knows that a website alone cannot keep a language alive. People need opportunities to use it, enjoy it and pass it on in daily life.

Why did Leo start the project?

A. To earn money from a new website.

B. To understand more of his grandmother’s first language.

C. To replace every language used at school.

What did the group decide about recordings?

A. Speakers can choose what is shared and request removal.

B. All recordings must stay online permanently.

C. Only teachers can decide what is private.

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

Leo Shares His Language Project

Nghe lần đầu để xác định quan điểm và ý chính của từng người nói.
Nghe lại, ghi hai chi tiết hỗ trợ quan điểm rồi làm câu hỏi nghe.

What rule does Leo emphasise about sharing recordings?
A. Permission is needed only for long stories.
B. Recordings may be shared without asking.
C. A speaker’s permission is always required.

What happens at the storytelling afternoon?
A. Older relatives tell stories and children join in songs.
B. Students take a written translation examination.
C. Children watch silent films without relatives.

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

Write a report proposing a school project that helps students learn a local language from their families.

Độ dài tham khảo: 140–190 từ.

• Mục đích của dự án.

• Hai hoạt động dễ thực hiện.

• Cách xin phép và bảo vệ quyền lựa chọn của người tham gia.

• Đề xuất bước tiếp theo.

Checklist

¡Có tiêu đề các ý hoặc bố cục báo cáo rõ ràng.

¡Đề xuất hoạt động cụ thể, có thể thực hiện ở trường.

¡Nêu cách xin phép và cho phép rút lại bản ghi.

¡Bài có 140–190 từ; dùng cấu trúc nâng cao khi phù hợp.

Speaking Card

B2 · Week 1 · Session 2 · b2-w01-s2 · v1 draft

Discuss a language or family tradition you would like to learn more about.

Who could help you learn, and what would you ask?

How could technology support the project without replacing conversations?

Bố mẹ quan sát

¡Mô tả mục tiêu và kế hoạch bằng ví dụ rõ.
¡Phản hồi ý kiến của bạn và phát triển cuộc trao đổi.
¡Diễn đạt dễ hiểu; dùng ngữ pháp và từ vựng phù hợp.

Từ vựng gợi ý

dialect · permission · generation · recording · community · phrase · essential · pass on